TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 24/2026/HNGĐ-ST Ngày 10-02-2026 V/v không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bích Lý

Ông Nguyễn Văn Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Trâm - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lương Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2026/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đoàn Thị T; nơi cư trú: Số B lô C Công nhân xi măng L, phường A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Đặng Xuân C; ĐKHKTT: Số B lô C Công nhân xi măng L, phường A, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Số E P, phường A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đoàn Thị T trình bày:

Năm 2004, chị và anh Đặng Xuân C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, đám cưới tổ chức theo phong tục Việt Nam. Do không hiểu biết pháp luật nên anh chị không có đăng ký kết hôn. Quá trình

chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, lối sống dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung thường xảy ra xô xát cãi vã, nhiều lần công an phường phải vào giải quyết. Bản thân anh chị cũng cố gắng khắc phục và hai bên gia đình đã khuyên ngăn hòa giải nhiều nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trở lên trầm trọng. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, kinh tế riêng biệt. Nay xác định tình cảm không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc đề nghị Toà án giải quyết không công nhận chị và anh C là vợ chồng.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung là Đặng Diệu L, sinh ngày 02/9/2004 và Đặng Hương L1, sinh ngày 20/10/2008. Ly hôn, chị T đề nghị cháu Đặng Diệu L đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết; giao con Đặng Hương L1 cho chị nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Bị đơn anh Đặng Xuân C vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có bản tự khai thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án. Trong suốt quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn anh C cũng như tống đạt các văn bản của Tòa án: Thông báo thụ lý vụ án, giấy mời, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh C nhưng tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải anh C vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 Hải Phòng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Đoàn Thị T và anh Đặng Xuân C là vợ chồng. Về con chung: Con Đặng Diệu L, sinh ngày 02/9/2004 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Giao con Đặng Hương L1, sinh ngày 20/10/2008 cho chị T nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về việc chia tài sản: Chị T không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về không công nhận quan hệ vợ chồng được quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn anh Đặng Xuân C cư trú trên địa bàn phường A nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hải Phòng theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị Đoàn Thị T và anh Đặng Xuân C chung sống với nhau từ năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn. Từ khi chung sống với nhau cho đến nay anh chị cũng không đi đăng ký kết hôn và qua xác minh tại Ủy ban nhân dân phường L và Ủy ban nhân dân phường A từ năm 2004 đến nay anh chị không đăng ký kết hôn, như vậy anh chị đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình về đăng ký kết hôn.

[4] Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, lối sống dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung thường xảy ra xô xát cãi vã, nhiều lần công an phường phải vào giải quyết. Bản thân anh chị cũng cố gắng khắc phục và hai bên gia đình đã khuyên ngăn hòa giải nhiều nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trở lên trầm trọng. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, kinh tế riêng biệt. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh C. Xét việc chị T yêu cầu là tự nguyện, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị T không công nhận chị Đoàn Thị T và anh Đặng Xuân C là vợ chồng.

+ Về con chung:

[5] Anh chị có hai con chung là Đặng Diệu L, sinh ngày 02/9/2004 và Đặng Hương L1, sinh ngày 20/10/2008. Ly hôn chị T đề nghị con Đặng Diệu L đã thành niên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết; giao con Đặng Hương L1 cho chị nuôi. Hội đồng xét xử xét thấy anh C vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến về việc nuôi con, từ khi anh chị ly thân cháu L1 ở cùng chị T và có nguyện vọng ở cùng với mẹ nên để chị T nuôi con sẽ đảm bảo quyền lợi của con. Vì vậy, cần áp dụng các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận giao con chung Đặng Hương L1 cho chị T trực tiếp nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

+ Về việc chia tài sản:

[6] Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

- Về án phí:

[7] Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm..

- Về quyền kháng cáo:

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Đoàn Thị T và anh Đặng Xuân C là vợ chồng.

- Về con chung: Con chung Đặng Diệu L, sinh ngày 02/9/2004 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao con chung Đặng Hương L1, sinh ngày 20/10/2008 cho chị Đoàn Thị T trực tiếp nuôi đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Đoàn Thị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

- Về án phí: Chị Đoàn Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003404 ngày 09/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 Hải Phòng. Chị Đoàn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Đoàn Thị T và anh Đặng Xuân C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 5 Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 5 Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Hương